

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/DS-ST  
Ngày: 09-05- 2023  
V/v tranh chấp Quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Phương Anh

2. Ông Phạm Văn Sáu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 86/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp Quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn: Ông Ngô Hòa B, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952. Cùng địa chỉ: Ấp P1, xã T, huyện V, tỉnh B (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T: Ông Ngô Hòa B, sinh năm 1953. Địa chỉ: Ấp P1, xã T, huyện V, tỉnh B. Theo văn bản ủy quyền ngày 05/5/2022 (có mặt).

- Đồng bị đơn: Ông Trần Quốc L, sinh năm 1986 (có mặt).

Bà Tô Diễm M, sinh năm 1991 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P1, xã T, huyện V, tỉnh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Ngô B1, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp Thị trấn A, thị trấn Hoà Bình, huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện theo ủy quyền của chị Ngô B1: Ông Ngô Hòa B, sinh năm 1953. Địa chỉ: Ấp P1, xã T, huyện V, tỉnh B. Theo văn bản ủy quyền ngày 07/02/2023 (có mặt).

+ Chị Ngô B2, sinh năm 1977 (vắng mặt)

+ Anh Ngô B3, sinh năm 1981 (vắng mặt)

+ Chị Ngô B6, sinh năm 1985 (vắng mặt)

+ Anh Ngô B5, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ ấp P1, xã T, huyện V, tỉnh B.

+ Ông Trần Quan K, sinh năm 1991 (vắng mặt)

+ Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ ấp P1, xã T, huyện V, tỉnh B.

+ Quỹ tín dụng nhân dân L

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồng Văn X, sinh năm 1981. Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồng Văn X: Ông Liêu Như N, chức vụ Giám đốc (có đơn vắng mặt).

Đại chỉ: ấp P1, xã T, huyện V, tỉnh B

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 4 năm 2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn ông Ngô Hòa B, đồng thời đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô B1 trình bày:* Gia đình tôi với gia đình ông L có hai phần đất cấp ranh với nhau. Phần đất của tôi nuôi cá, quá trình sử dụng tôi đắp cái bờ cao lớn để giữ cá và trồng chuối trên phần bờ này, cấp phần đất của tôi là đất của ông L. Vào năm 2022, ông L đào đất, vị trí ông L đào sát ranh đất với tôi, đào lấy đất để đắp chỗ khác. Sau khi đào xong, ông L lấy trụ đá cặm hết cái bờ mà tôi đã đắp trước đó, tức là ông L lấn qua đất tôi, tôi không đồng ý và phát sinh tranh chấp.

Nguồn gốc đất của tôi là do vợ chồng tôi mua của ông Lê Văn L vào năm 1989 và sử dụng đến nay, bao gồm đất tranh chấp. Gia đình ông L chưa từng sử dụng phần đất tranh chấp. Phần đất của ông L là do cha mẹ ông L cho lại ông L.

Vào đầu năm 2022, khi ông L cặm trụ đá sang đất của tôi, ông L có chặt 40 cây chuối của gia đình tôi, chuối có cây có buồng, có cây không có buồng. Nay tôi yêu cầu ông L và vợ là bà M di dời 02 trụ đá và trả cho tôi phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế 51,8m<sup>2</sup>, đồng thời bồi thường thiệt hại giá trị 40 cây chuối là 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau tôi có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông L, bà M bồi thường thiệt hại trị giá 40 cây chuối là 2.000.000 đồng. Bà T và bà B1 thống nhất lời trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện của tôi.

*Bị đơn ông Trần Quốc L trình bày:* Gia đình tôi với gia đình ông B có hai phần đất giáp ranh với nhau. Hai phần đất này trước đây là đất trồng lúa, có bờ ruộng làm ranh. Sau đó, ông B cải tạo từ đất ruộng sang đất ao để nuôi cá, cải tạo cách đây khoảng 20 năm. Sau đó khoảng năm 2015 gia đình tôi cũng cải tạo phần đất trồng lúa thành đất ao để nuôi cá. Trước đây, cha tôi và ông B có cặm trụ đá làm ranh. Vào năm 2015, tôi xây nhà mô trên đất của tôi, do hai gia đình mâu

thuần nên khi xây nhà mô, tôi có chừa phần đất chiều ngang 1,2m, dài khoảng hơn 30 mét để đi ra đi vào tô gạch, đồng thời có cắm lại trụ đá đúng vị trí trụ đá ban đầu mà cha tôi và ông B thống nhất cắm. Sau khi tôi xây nhà mô xong, tôi đi làm ăn xa, ở nhà ông B tự ý di dời hai trụ đá sang đất của gia đình tôi, cấp với nhà mô. Đến năm 2019 khi tôi đi làm về phát hiện, tôi có sang nhà ông B nói thì ông B nói tôi xây hết đất và hai trụ đá mà ông B cắm mới là ranh đất. Tôi không đồng ý nên vào khoảng năm 2022, tôi cắm lại 02 trụ đá đúng vị trí ban đầu, đồng thời chặt các cây chuối lẩn qua đất của tôi.

Nguồn gốc đất tranh chấp cũng như phần đất gia đình tôi sử dụng cấp với đất tranh chấp là của ông bà nội cho cha tôi. Quá trình sử dụng cha tôi (Trần Văn Hùng) đăng ký kê khai và được cấp quyền sử dụng đất, tôi không nhớ năm nào, sau này cha tôi chết, mẹ tôi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thủ tục thừa kế, sau đó mẹ tôi cho lại tôi. Hiện đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do tôi đứng tên năm 2017, tại thửa 894, tờ bản đồ số 7. Nay tôi không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông B và bà T.

*Bị đơn bà Tô Diễm M trình bày:* Bà là vợ ông L, bà thống nhất lời trình bày ông L và không bổ sung gì thêm.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô B2, anh Ngô B3, chị Ngô B4, anh Ngô B5* không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Lý do, Tòa án triệu tập chị Ngô B2, anh Ngô B3, chị Ngô B4, anh Ngô B5 đến Tòa án làm việc nhưng anh chị không đến, Tòa án đến nhà lấy lời khai nhưng chị Ngô B2, anh Ngô B3, chị Ngô B4, anh Ngô B5 không có nhà nên không ghi nhận được ý kiến của chị Ngô B2, anh Ngô B3, chị Ngô B4, anh Ngô B5.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quan K và bà Trần Thị Tuyết M trình bày:* Ông K là em ruột của ông L, bà M là em dâu của ông L. Năm 2022, vợ chồng ông K và bà M có vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) tại Quỹ tín dụng nhân dân Long Thanh. Khi vay, ông bà có thể chấp nhiều phần đất, trong đó có phần đất thửa 894, tờ bản đồ số 7 ông L và bà M đứng tên quyền sử dụng đất liên quan đến phần đất tranh chấp.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quỹ tín dụng nhân dân L do ông Liêu Như N trình bày:* Năm 2022, ông Trần Quan K và bà Trần Thị Tuyết M có vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) tại Quỹ tín dụng nhân dân Long Thanh. Khi vay, ông Trần Quốc L bảo lãnh bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của ông L cho khoản vay của ông K, bà M. Ông K, bà M thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng tín dụng, do đó Quỹ tín dụng không đặt ra yêu cầu gì đối ông K, bà M, ông L và bà M về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến:*

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát chưa phát hiện vi phạm thủ tục tố tụng. Các đương sự đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng chị Ngô B2, anh Ngô B3, chị Ngô B4, anh Ngô B5 chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, bà T đối với ông L và bà M về việc đòi lại phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế 51,8m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 854, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp Phước Thạnh 1, xã L, huyện V, tỉnh B, do Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho hộ ông Ngô Hòa B năm 1999. Đồng thời, buộc bà M, ông L có trách nhiệm di dời hai trụ đá trả phần đất tranh chấp 51,8m<sup>2</sup> cho ông B. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông B, bà T đối với ông L, bà M về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại 40 cây chuối trị giá 2.000.000 đồng, do ông B, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện.

- Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Ông L và bà M phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thẩm quyền: Ông Ngô Hòa B, bà Nguyễn Thị T khởi kiện ông Trần Quốc L, bà Tô Diễm M về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế 51,8m<sup>2</sup> tọa lạc ấp Phước Thạnh 1, xã L, huyện V, tỉnh B. Đồng thời, ông L, bà M cùng trú tại ấp P1, xã L, huyện V, tỉnh B. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô B2, anh Ngô B3, chị Ngô B4, anh Ngô B5 vắng mặt lần thứ hai mặc dù được tổng đạt hợp lệ; riêng ông Liêu Như N là người đại diện theo ủy quyền của Quỹ tín dụng nhân dân L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Ngô B2, anh Ngô B3, chị Ngô B4, anh Ngô B5, ông Liêu Như N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông B, bà T đối với ông L, bà M về việc đòi phần đất tranh chấp 51,8 m<sup>2</sup> tọa lạc ấp P1, xã T, huyện V, tỉnh B:

[3.1]. Ông Ngô Hòa B, bà Nguyễn Thị T, ông Trần Quốc L, bà Tô Diễm M thống nhất phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế 51,8 m<sup>2</sup> tọa lạc ấp P1, xã T, huyện V, tỉnh B có vị trí, như sau:

Hướng đông giáp một phần đất bà Lâm Thị Hía, giáp một phần đất ông L đang sử dụng không bao gồm phần đất tranh chấp.

Hướng tây giáp một phần đất ông B đang sử dụng không bao gồm phần đất tranh chấp, giáp một phần bà Bích đang sử dụng;

Hướng nam giáp phần đất ông L đang sử dụng không bao gồm phần đất tranh chấp.

Hướng bắc giáp phần đất ông B đang sử dụng không bao gồm phần đất tranh chấp;

[3.2]. Về quá trình sử dụng: Ông L xác định phần đất tranh chấp là của gia đình ông sử dụng từ năm 1960. Cụ thể, trước đây phần đất tranh chấp là cái bờ, hai phần đất của hai gia đình đều là đất trồng lúa, gia đình ông L để lúa và chặt cỏ bỏ lên bờ. Đến năm 2017 ông B trồng chuối lần qua đất của ông, vì ông bận đi làm xa nên không kiện ông B. Để chứng minh cho quá trình sử dụng đất, ông L yêu cầu

Tòa án xác minh ông Lâm Văn Tỷ. Theo biên bản xác minh, ông Tỷ xác định ông chỉ biết ông B và ông L có hai phần đất cập ranh nhau. Nguồn gốc đất của ông B là do ông B nhận chuyển nhượng của ông Năm Lâu, nguồn gốc đất của ông L là do ông Hùng cha ông L để lại. Cả hai phần đất này trước đây đều là đất lúa, do phần đất tranh chấp quá nhỏ nên ông không rõ ai sử dụng, sử dụng vào việc gì. Hội đồng xét xử xét thấy, trên cơ sở trình bày của ông L và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông L không chứng minh được quá trình sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp.

Về phía ông B: Để chứng minh cho quá trình sử dụng đất liên quan phần đất tranh chấp, ông B có yêu cầu Tòa án xác minh Lâm Văn N, Nguyễn Thanh Q, Huỳnh Thanh B. Phía ông B và ông Q từ chối cung cấp lời khai vì không muốn mâu thuẫn với ông L và ông B, vì cả hai người này đều là hàng xóm với ông Q, ông B nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến ông Q, ông B. Riêng ông N xác định, ông biết ông B và ông L có hai phần đất cập ranh nhau. Trước đây hai phần đất này đều là đất trồng lúa. Sau này ông B và ông L cải tạo thành đất ao nuôi cá, bờ ranh không còn nên ông Nam không xác định được phần đất tranh chấp thuộc về ai. Ông B cải tạo từ đất ruộng sang đất ao trước ông L. Do đó, khi ông B cải tạo thành đất ao thì đắp cái bờ lớn và cao để giữ cá. Sau đó ông B trồng chuối trên bờ ao này và cũng là đất tranh chấp trên 10 năm nay. Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai ông N phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/9/2022 thể hiện trên phần đất tranh chấp có 10 cây chuối của ông B trồng, 02 trụ đá do ông L cắm năm 2022. Ông L cho rằng ông B chỉ mới chiếm sử dụng từ năm 2017 nhưng ông bận công việc nên không khiếu nại là không có cơ sở chấp nhận. Bởi nhà ông L và ông B gần nhau, trường hợp ông L đi làm xa thì vẫn còn vợ ông L là bà M, em ông L là ông K trưởng ấp P1, xã T, huyện V. Tuy nhiên, không ai khiếu nại việc ông B trồng chuối lấn qua đất của ông B như ông L trình bày.

[3.3]. Căn cứ vào bản vẽ mặt bằng hiện trạng đất tranh chấp do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cung cấp, phần đất tranh chấp có diện tích 51,8m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 854, tờ bản đồ số 07 cũ (tương ứng một phần thửa 2272 tờ bản đồ số 7; đối chiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất thửa 854, tờ bản đồ số 7 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ngô Hòa B ngày 20/5/1999. Tại công văn số 1228/UBND-NC ngày 31/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện V xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ngô Hòa B năm 1999 đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

[3.4]. Ông B xác định nguồn gốc đất tranh chấp do ông B nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị T năm 1989. Phía bị đơn ông Trần Quốc L xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của ông nội cho lại cha ông L là ông Trần Văn Hùng và cha ông chết mẹ ông đứng tên theo thủ tục thừa kế, sau đó mẹ ông cho lại ông. Từ các vấn đề phân tích nêu trên, cho thấy phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của ông B, nên có cơ sở xác định nguồn gốc đất tranh chấp do ông B nhận chuyển nhượng của ông Lâu, không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông L, bà M về nguồn gốc đất tranh chấp của ông bà cha mẹ ông L để lại.

[3.5]. Tại phiên tòa, ông L và bà M xác định, năm 2022, vì vợ chồng ông muốn xây hàng rào từ trước đến sau (tính theo hướng lộ) đối với phần đất cấp ranh với ông B. Từ đó, ông L mới chặt các cây chuối mà ông B trồng lấn qua đất của ông, đồng thời ông L lấy 02 trụ đá cắm trên phần đất, ngay vị trí ranh ban đầu mà cha ông L là ông Hùng và ông B thống nhất. Qua kết quả thẩm định, trên đất tranh chấp có 02 trụ đá mà ông L cắm như ông L trình bày.

Từ đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, bà T đối với ông L, bà M về việc đòi phần đất tranh chấp 51,8m<sup>2</sup>. Buộc ông L, bà M di dời hai trụ đá, trả lại cho ông B, bà T phần đất tranh chấp 51,8m<sup>2</sup>.

[4]. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông B, bà T yêu cầu ông L, bà M bồi thường thiệt hại 40 cây chuối với số tiền 2.000.000 đồng. Quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông B, bà T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến việc bồi thường số tiền 2.000.000 đồng, do ông bà không chứng minh được thiệt hại. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông B, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không bị ai ép buộc nên cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông B, bà T đối với ông L về việc bồi thường thiệt hại 40 cây chuối bằng số tiền 2.000.000 đồng. Ông B, bà T được quyền khởi kiện ở vụ án khác khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, do yêu cầu khởi kiện của ông B và bà T được chấp nhận nên ông L, bà M phải chịu số tiền án phí là 300.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của ông B và bà T được chấp nhận nên ông L, bà M phải chịu chi phí tố tụng. Ông B, bà T đã nộp chi phí tố tụng 6.584.262 đồng, đã chi phí hết. Như vậy, ông L, bà M có trách nhiệm thanh toán cho ông B, bà T số tiền chi phí tố tụng 6.584.262 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6]. Từ các phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, tại phiên tòa.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 219, khoản 2 Điều 227 và , khoản 2 Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hòa B, bà Nguyễn Thị T đối với ông Trần Quốc L, bà Tô Diễm M về việc tranh chấp quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực 51,8m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 854), tờ bản đồ số 7 (cũ) tương ứng một phần thửa 2272, tờ bản đồ số 7 năm 2017, tọa lạc ấp

Phước Thanh 1, xã L, huyện V, tỉnh B, do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho hộ ông Ngô Hòa B ngày 20 tháng 5 năm 1999, có vị trí, số đo như sau:

Hướng đông giáp một phần đất bà Lâm Thị Hía, giáp một phần đất ông L đang sử dụng không bao gồm phần đất tranh chấp.

Hướng tây giáp một phần đất ông B đang sử dụng không bao gồm phần đất tranh chấp, giáp một phần bà Bích đang sử dụng;

Hướng nam giáp phần đất ông L đang sử dụng không bao gồm phần đất tranh chấp.

Hướng bắc giáp phần đất ông B đang sử dụng không bao gồm phần đất tranh chấp;

*(Trích đo thửa đất tranh chấp là bộ phận không thể tách rời Bản án)*

2. Buộc ông Trần Quốc L, bà Tô Diễm M có trách nhiệm di dời hai trụ đá, trả cho ông Ngô Hòa B, bà Nguyễn Thị T phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực 51,8m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 854), tờ bản đồ số 7 (cũ) tương ứng một phần thửa 2272, tờ bản đồ số 7 năm 2017, tọa lạc ấp P 1, xã L, huyện V, tỉnh B, do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho hộ ông Ngô Hòa B ngày 20 tháng 5 năm 1999 có vị trí như ở mục 1 phần Quyết định của Bản án này.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông B, bà T đối với ông L về việc bồi thường thiệt hại 40 cây chuối bằng số tiền 2.000.000 đồng, do ông B, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, ông L, bà M phải chịu số tiền án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Ông Trần Quốc L, bà Tô Diễm M phải chịu chi phí tố tụng 6.584.262 đồng. Ông L, bà M có trách nhiệm thanh toán cho ông B, bà T số tiền chi phí tố tụng 6.584.262 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện V;

- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Thụy Lan Chi**